

THÀNH ỦY CẦN THƠ

*

Số 1300-QĐ/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cần Thơ, ngày 09 tháng 01 năm 2024

VAN PHÒNG ĐẢNG ỦY	
ĐẾN	Số:.....19..... Ngày: 11/01/2024.....

QUY ĐỊNH
về công tác quy hoạch cán bộ

- BCH;*
Các TC Đảng TP;
BD, P.TCCB;
UBKMS
LCS
VU
- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
 - Căn cứ Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) “Thi hành Điều lệ Đảng”;
 - Căn cứ Quy định số 50-QĐ/TW ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ;
 - Căn cứ Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW ngày 15/02/2022 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn một số nội dung về công tác quy hoạch cán bộ;
 - Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khoá XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025;
 - Xét đề nghị của Ban Tổ chức Thành ủy,
- Ban Thường vụ Thành ủy quy định về công tác quy hoạch cán bộ như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về nguyên tắc, mục đích, yêu cầu, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực, thẩm quyền, trách nhiệm, phương pháp, tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi, cơ cấu, số lượng, quy trình, quản lý và công khai trong công tác quy hoạch cán bộ; áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị thành phố.

Điều 2. Nguyên tắc

1. Đảm bảo nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đảm bảo chặt chẽ, đồng bộ, liên thông, công khai, minh bạch trong công tác quy hoạch cán bộ.

2. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền trên cơ sở nêu cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, người đứng đầu, gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát trong công tác quy hoạch cán bộ.

3. Chú trọng chất lượng, đảm bảo cân đối, hài hòa, hợp lý, liên thông giữa các khâu trong công tác cán bộ; giữa quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng; giữa đánh giá với quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ; giữa cán bộ quy hoạch với cán bộ đương nhiệm; giữa nguồn cán bộ thành phố với các địa phương, ngành và lĩnh vực công tác; giữa nguồn cán bộ tại chỗ với nguồn cán bộ từ nơi khác. Quan tâm quy hoạch theo cơ cấu ba độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp với địa bàn, cơ quan, đơn vị và lĩnh vực công tác.

4. Quy hoạch cấp ủy các cấp phải gắn với quy hoạch lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý, bảo đảm đồng bộ với các chủ trương, quy định của Đảng về bố trí cán bộ; quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên; gắn kết chặt chẽ quy hoạch cán bộ của các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị với quy hoạch cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thành phố.

5. Chỉ quy hoạch chức danh cao hơn, không quy hoạch chức vụ đang đảm nhiệm; mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá 03 cán bộ, một cán bộ quy hoạch không quá 03 chức danh ở cùng cấp. Không thực hiện đồng thời quy trình bổ sung quy hoạch với quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử vào một chức danh lãnh đạo, quản lý. Việc thực hiện quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào chức danh quy hoạch chỉ được thực hiện sau khi phê duyệt quy hoạch ít nhất 3 tháng.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu

1. Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cán bộ diện Thành ủy quản lý, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân.

2. Quy hoạch cán bộ là khâu quan trọng, nhiệm vụ thường xuyên nhằm phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

3. Việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, chức danh quy hoạch, dự báo nhu cầu sử dụng cán bộ phải xuất phát từ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp; gắn kết chặt chẽ với các khâu khác trong công tác cán bộ. Đảm bảo sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo có thẩm quyền, nguyên tắc tập trung dân chủ, công bằng, công tâm, khách quan, công khai, minh bạch và đúng quy trình.

4. Rà soát, đánh giá toàn diện nguồn cán bộ trước khi đưa vào danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch. Không đề xuất, phê duyệt quy hoạch

những trường hợp không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị phải tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ và cán bộ theo yêu cầu sau:

- Về rà soát, đánh giá nguồn cán bộ: Trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ tiếp theo, chỉ đạo rà soát, đánh giá nguồn cán bộ đương nhiệm theo cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện để chuẩn bị nguồn nhân sự trước khi tiến hành công tác quy hoạch cán bộ.

- Đánh giá cán bộ theo các tiêu chí sau:

+ Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức, kỷ luật và việc thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

+ Năng lực công tác: Kết quả, hiệu quả công việc; mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

+ Uy tín: Kết quả đánh giá cán bộ hàng năm của cấp có thẩm quyền và kết quả lấy phiếu tín nhiệm theo quy định (nếu có).

+ Chiều hướng, triển vọng phát triển: Khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo chức danh quy hoạch.

5. Thực hiện phương châm quy hoạch “động” và “mở”. Quy hoạch “động” là định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh để đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc uy tín thấp và kịp thời bổ sung vào quy hoạch những cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, triển vọng phát triển. Quy hoạch “mở” được hiểu là không khép kín trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị mà cần mở rộng nguồn cán bộ từ nơi khác để đưa vào quy hoạch những cán bộ đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

6. Coi trọng chất lượng, không vì số lượng, cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn; đồng thời, quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và có biện pháp hiệu quả để phấn đấu thực hiện cơ cấu ba độ tuổi (khoảng cách giữa các độ tuổi là 05 năm), tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số trong quy hoạch cấp ủy, các chức danh lãnh đạo, quản lý.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Chức danh, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực quy hoạch

1. Chức danh quy hoạch

Các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị thành phố, bao gồm:

- Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố.

- Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố.

- Các chức danh thuộc diện Thành ủy quản lý và chức danh phải lấy ý kiến thẩm định nhân sự của Ban Tổ chức Thành ủy, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy và các Ban liên quan của Thành ủy theo Quy định của Ban Thường vụ Thành ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

- Các chức danh thuộc diện các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý.

2. Đối tượng quy hoạch

Đối tượng quy hoạch cấp ủy, lãnh đạo, quản lý gồm 02 đối tượng, cụ thể:

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; Trưởng, Phó Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố thực hiện theo Phụ lục 1A, Phụ lục 1B ban hành kèm theo Quy định này.

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ quận ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ quận, huyện, đảng bộ trực thuộc Thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân quận, huyện; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện; Trưởng, Phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố và tương đương; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy thực hiện theo Phụ lục 1C ban hành kèm theo Quy định này.

- Đối tượng 1 và đối tượng 2 của các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ vào Phụ lục 1C để xác định cụ thể đối tượng của các chức danh quy hoạch theo quy định.

3. Nhiệm kỳ quy hoạch

Quy hoạch cho một nhiệm kỳ và định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Hiệu lực quy hoạch

Quy hoạch cán bộ có hiệu lực từ ngày cấp có thẩm quyền ký, ban hành quyết định phê duyệt. Quy hoạch hết hiệu lực khi cán bộ được bổ nhiệm vào chức danh quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch hoặc kết thúc nhiệm kỳ theo quy định của chức danh quy hoạch.

Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

1. Ban Thường vụ Thành ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ thuộc diện Thành ủy quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

2. Các chức danh cán bộ cần có sự thẩm định nhân sự của Ban Tổ chức Thành ủy, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy và các Ban liên quan của Thành ủy theo quy định của Ban Thường vụ Thành ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử do cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử phê duyệt quy hoạch.

3. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

Điều 6. Trách nhiệm trong công tác quy hoạch

1. Trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị

- Lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng về công tác quy hoạch cán bộ tại địa phương, cơ quan, đơn vị; xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện, xác định đối tượng cụ thể đối với các chức danh do cấp mình quản lý và tham gia xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện các chức danh khác khi được yêu cầu.

- Thực hiện quy trình nhân sự, kết luận về tiêu chuẩn chính trị, nhận xét, đánh giá và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý của địa phương, cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý, phê duyệt của cấp trên.

- Căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ, gắn với chức danh quy hoạch theo quy định. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Thành ủy

- Tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy về chủ trương, quy định và thực hiện công tác quy hoạch cán bộ; xem xét, phê duyệt quy hoạch các chức danh theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh theo thẩm quyền.

- Sơ kết, tổng kết, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quy hoạch cán bộ ở các địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trao đổi, cung cấp thông tin, giới thiệu nhân sự từ nơi khác (khi cần thiết hoặc theo yêu cầu) để các địa phương, cơ quan, đơn vị nghiên cứu, xem xét, bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Thành ủy và cơ quan liên quan

- Thẩm định, thẩm tra, cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến nhân sự quy hoạch theo yêu cầu.

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy.

Điều 7. Phương pháp quy hoạch

1. Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai của nhiệm kỳ hiện tại của đại hội đảng bộ các cấp, đại hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Hằng năm, tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch từ 01 đến 02 lần cho cả quy hoạch nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp. Rà soát, bổ sung quy hoạch lần thứ nhất thực hiện trong quý I và báo cáo kết quả phê duyệt quy hoạch trong quý II, chậm nhất tháng 6; trường hợp rà soát, bổ sung quy hoạch lần thứ hai trong năm, phải báo cáo ít nhất sau 30 ngày, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch.

3. Đối với các tổ chức hội, đoàn thể nhân dân khác được Đảng, Nhà nước giao biên chế, việc xây dựng quy hoạch đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm được thực hiện tương tự như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi

1. Về tiêu chuẩn, điều kiện

Tiêu chuẩn đối với cán bộ quy hoạch, cơ bản thực hiện như tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với chức danh theo quy định hiện hành. Tại thời điểm quy hoạch, cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với những cán bộ cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị tương ứng với chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định và có thể xem xét, phê duyệt các trường hợp như sau:

- Chưa nhất thiết phải đáp ứng ngay các tiêu chuẩn: Kinh qua chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp dưới, trình độ quản lý Nhà nước...

- Đối với đối tượng 2 có thể chưa bảo đảm tiêu chuẩn lý luận chính trị nhưng sau khi được quy hoạch phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn lý luận chính trị theo quy định.

2. Về độ tuổi

Cán bộ được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 01 nhiệm kỳ kế tiếp (60 tháng). Khi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

3. Phương pháp và thời điểm tính tuổi quy hoạch

Tuổi quy hoạch được xác định theo Kết luận số 08-KL/TW ngày 15/6/2021 của Bộ Chính trị về tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW ngày 26/7/2021 của Ban Tổ chức Trung ương, cụ thể như sau:

3.1. Đối với quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp

- Phương pháp tính tuổi: Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm tính tuổi theo quy định phải còn ít nhất 01 nhiệm kỳ công tác (60 tháng) đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

- Thời điểm tính tuổi: Chức danh cấp ủy, lãnh đạo cấp ủy, các cơ quan của Đảng, Ủy ban kiểm tra là thời điểm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan Nhà nước là thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức. Kế thừa cách tính thời điểm được quy định tại Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị, cụ thể:

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030: Cấp xã: tháng 4/2025; cấp huyện: tháng 6/2025; cấp thành phố: tháng 9/2025.

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo các cơ quan Nhà nước nhiệm kỳ 2026 - 2031: Tháng 5/2026.

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố của nhiệm kỳ kế tiếp được xác định theo thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức nhiệm kỳ hiện tại cộng với 5 năm (60 tháng).

3.2. Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch

- Phương pháp tính tuổi: Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch cho nhiệm kỳ hiện tại bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch phải còn ít nhất 72 tháng đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

- Thời điểm tính tuổi: Là thời điểm cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ có thẩm quyền (Ban Tổ chức Thành ủy đối với trường hợp các chức danh thuộc diện Thành ủy quản lý; Ban Tổ chức cấp ủy cấp huyện và tương đương đối với trường hợp khác) nhận được tờ trình và hồ sơ nhân sự theo quy định.

3.3. Đối với cán bộ nữ thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thì tuổi quy hoạch được xác định theo độ tuổi được quy định và thực hiện như phương pháp nêu trên.

(Kèm theo Phụ lục 1D xác định tuổi đối với các chức danh quy hoạch).

Điều 9. Hệ số, số lượng và cơ cấu

1. Về hệ số, số lượng

- Hệ số quy hoạch cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy và Ủy ban kiểm tra các cấp từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định.

- Số lượng của chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý:

+ Mỗi chức danh quy hoạch không quá 03 cán bộ.

+ Một cán bộ quy hoạch không quá 03 chức danh ở cùng một cấp phê duyệt quy hoạch (không bao gồm chức danh ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp).

2. Về cơ cấu

- Đối với cấp huyện trở lên: Phần đầu cơ cấu, tỷ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo hướng: Cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi đối với cấp thành phố, quận, huyện) từ 15% trở lên, cán bộ nữ từ 25% trở lên; tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp với từng địa bàn, lĩnh vực; cấp huyện và tương đương trở lên phải có cán bộ nữ trong quy hoạch ban thường vụ cấp ủy, thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện; lãnh đạo các sở, ban, ngành cấp thành phố.

- Cơ cấu, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số ở cấp xã và tương đương: phần đầu tỷ lệ cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi) từ 15% trở lên, cán bộ nữ từ 25% trở lên; có cán bộ nữ trong quy hoạch ban thường vụ cấp ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã. Giao Ban Thường vụ quận ủy, huyện ủy và tương đương quy định tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp với từng địa bàn, lĩnh vực.

Điều 10. Quy trình và hồ sơ nhân sự quy hoạch

1. Quy trình quy hoạch

Quy trình quy hoạch gồm 02 quy trình: (1) Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ. (2) Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ hằng năm từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc từ nguồn nhân sự ở nơi khác.

1.1. Đối với quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố; Trưởng, Phó Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố: Thực hiện theo Phụ lục 2, Quy định số 50-QĐ/TW ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ.

1.2. Đối với quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh diện Thành ủy quản lý (trừ các chức danh nêu tại điểm 1.1, Khoản 1 Điều này) và chức danh Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ quận, huyện, đảng bộ trực thuộc Thành ủy thực hiện theo Phụ lục 2 Quy định này.

1.3. Đối với các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ: Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ vào Phụ lục 2 Quy định này để cụ thể hóa phù hợp.

1.4. Đảng ủy Quân sự thành phố, Đảng ủy Công an thành phố căn cứ Quy định, hướng dẫn của Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương và Quy định này để cụ thể hóa quy trình quy hoạch cán bộ đối với các chức danh lãnh đạo, chỉ huy trong lực lượng vũ trang phù hợp với đặc điểm, tình hình và yêu cầu, nhiệm vụ của mỗi lực lượng.

2. Hồ sơ nhân sự

Danh mục hồ sơ nhân sự quy hoạch thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự nêu tại Phụ lục 3 Quy định này.

Điều 11. Thời gian thẩm định, phê duyệt quy hoạch, công khai và quản lý quy hoạch

1. Thời gian thẩm định, phê duyệt quy hoạch

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được tờ trình, hồ sơ nhân sự, cấp có thẩm quyền phải xem xét, phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, cấp có thẩm quyền có thể kéo dài thời gian nhưng không được quá 15 ngày làm việc.

2. Công khai quy hoạch

Danh sách cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, quản lý, sử dụng quy hoạch.

3. Quản lý quy hoạch

Căn cứ kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

- Sau 30 ngày kể từ khi phê duyệt quy hoạch, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị báo cáo cấp trên trực tiếp kết quả phê duyệt quy hoạch; báo cáo Ban Tổ chức Thành ủy (kèm theo các quyết định phê duyệt quy hoạch) đối với chức danh ủy viên ban chấp hành đảng bộ quận, huyện và đảng bộ trực thuộc Thành ủy để quản lý theo quy định.

- Trên cơ sở kết quả phê duyệt quy hoạch của cấp thẩm quyền, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ quy hoạch, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Định kỳ hằng năm, đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và chiều hướng phát triển đối với cán bộ trong quy hoạch; lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, đánh giá chất lượng, cơ cấu nguồn cán bộ trong quy hoạch để kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy hoạch theo quy định.

Điều 12. Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch

- Cán bộ đã được bổ nhiệm vào chức danh quy hoạch; cán bộ quá tuổi quy hoạch hoặc bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (đối với cá nhân) hoặc có trên 50% nhưng dưới 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp theo quy định về lấy phiếu tín nhiệm hoặc kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch hoặc đã từ trần, thôi việc thì đương nhiên ra khỏi quy hoạch.

- Đối với các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch, cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch ban hành quyết định đưa cán bộ đó ra khỏi quy hoạch, không phải thực hiện quy trình bỏ phiếu theo quy định.

- Đối với cán bộ bị thi hành kỷ luật, sau khi quyết định thi hành kỷ luật hết hiệu lực theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cấp có thẩm quyền có thể xem xét việc quy hoạch theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ Quy định của Ban Thường vụ Thành ủy về công tác quy hoạch cán bộ, có trách nhiệm cụ thể hóa phù hợp với đặc điểm, tình hình và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị, nhưng không trái với Quy định này. Ngoài các nội dung nêu trong Quy định này, các cấp ủy,

tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thực hiện theo Quy định số 50-QĐ/TW ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW ngày 15/02/2022 của Ban Tổ chức Trung ương.

2. Ban Tổ chức Thành ủy chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Thành ủy và các cơ quan liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định của Ban Thường vụ Thành ủy về công tác quy hoạch cán bộ.

3. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy định số 592-QĐ/TU ngày 13/4/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy về công tác quy hoạch cán bộ.

Nơi nhận:

- Thường trực Ban Bí thư,
- Ban Tổ chức Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các quận ủy, huyện ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Thành ủy,
- Các ban xây dựng Đảng của Thành ủy,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội thành phố,
- Các đồng chí Thành ủy viên,
- Lưu Văn phòng Thành ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Người ký: Phạm Văn
Hiệu
Email:
vanhieu@cantho.gov.vn
Cơ quan: Thành ủy Cần
Thơ

Phạm Văn Hiệu